Tên: ……..
Lớp: S5…
Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....
Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

StarLink

Week: 13 - GVVN
Ngữ pháp HW: ……..
Nghe HW: ……..

UNIT 4: SPECIAL OCCASIONS - RELATIVE CLAUSES + WRITING PRACTICE

A. THEORY

I. GRAMMAR



1 Cách dùng chung

- Dùng **who, which** hoặc **that** để nối 2 mệnh đề lại với nhau.
- Dùng để bổ sung thêm thông tin về người hoặc vật.
- Mệnh đề đứng sau who/which/that gọi là mệnh đề quan hệ (relative clause).

⚠ **Khi nối, bỏ he/she/it/him/her ở câu 2.**
VD: This is the soup. My grandma cooked **it.** → This is the soup **which** my grandma cooked.


I know a boy.


He is my friend.

→ I know a boy **who** is my friend.
mệnh đề quan hệ

2 WHO/THAT (cho người)



Cách dùng	chỉ người, làm chủ ngữ hoặc tân ngữ
Công thức	… N (chỉ người) + **who/that** + V + O … N (chỉ người) + **who/that** + S + V
Ví dụ	• The man **who/that** is sitting by the fire is a policeman. • I know the girl **who/that** you met yesterday.

3 WHICH /THAT (cho vật)



Cách dùng	chỉ vật, làm chủ ngữ hoặc tân ngữ
Công thức	… N (chỉ vật) + **which/that** + V + O … N (chỉ vật) + **which/that** + S + V
Ví dụ	• This is the book **which/that** won the prize. • I bought Mary a book **which/that** she's always loved.

LIVEWORKSHEETS

B. CLASSWORK

WRITING PRACTICE

Read the email from your American friend, Alex. Write an email to Alex and answer the questions. Write about 50 words.

From:	Alex
To:	

Tell me about a person in your family. Why do you like this person? What do you do together?

1. Opening



Hi Alex,
Thanks for your email.
I want to tell you about my _____.

mum | dad | sister | brother | grandma | grandpa

2. Who?



Her / His name is _____.
She / He is a _____ (nurse, teacher, doctor).

3. Why do you like this person?



I like her / him because she / he is _____ and _____.
She / He always helps me with _____.

kind | funny | clever | hardworking | calm | polite

4. What do you do together?



We often _____ together.
We like _____ing.

cook | watch films | play badminton | go to the park | on Saturdays | at the weekend

5. Closing



Write soon!
Bye, (your name)

Remember!

- Use the present simple: She is kind. We cook dinner.
- often / sometimes / always go before the verb.
- because = reason.
- Use commas in a list: We cook, watch films and play games.

Checklist

- ☐ Hi Alex + my name
- ☐ Answer 3 questions
- ☐ About 50 words
- ☐ Capital letters and full stops

LIVEWORKSHEETS

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở bảng EXTRA VOCABULARY (trang 4) mỗi từ 1 dòng vào vở.

II. Draw lines to match the sentence halves.

~~0. There's only one dance~~	0 - D	A. which are important in my country.
1. This is a picture of some animals	1 -	B. who was visiting our city.
2. Are there some people	2 -	C. that is still wet?
3. We talked to a tourist	3 -	~~D. that I'm good at.~~
4. These are symbols	4 -	E. that eat grass and leaves.
5. Is this the paint	5 -	F. who want to come with us?

III. Read and write "who", "which" to complete the text. Write one word in each space.

A WALK IN THE CITY



Last Sunday, Tom and his mum went for a walk in the city. They stopped at a tall office building *(0)* *which* was made of glass. Then they walked along a path (1) _____ was full of flowers and green trees. They saw some workers (2) _____ were cleaning the pavement near the park. When they wanted to cross the street, they used the zebra crossing (3) _____ they saw next to the traffic light. At a small café, Tom's mum met an old friend (4) _____ she knows from work. Tom talked to a man (5) _____ was sitting at the next table.

LIVEWORKSHEETS

IV. Combine each pair using who, which or that. Do not omit the relative pronoun.

0. I have a neighbour. He grows tomatoes on his roof.

→ *I have a neighbour who grows tomatoes on his roof.*

1. My brother has a bike. It is blue and very fast.

→ _____

2. This is the soup. My grandma cooked it for dinner.

→ _____

3. I like the singer. We saw her at the concert.

→ _____

4. Lan has a cousin. He lives in Australia.

→ _____

5. He wore a jacket. It kept him warm in the snow.

→ _____

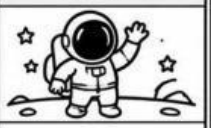
LISTENING PRACTICE (5 questions)

I. EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

https://on.soundcloud.com/deaqKDRPgWPQTprNj5

No.	Words	Meanings	Pictures
1	astronaut (n)	phi hành gia	
2	planet (n)	hành tinh	
3	alien (n)	người ngoài hành tinh	

No.	Words	Meanings	Pictures
4	prefer (v)	thích hơn, ưu tiên hơn	
5	find out (about) (phr)	tìm hiểu (về)	
6	no problem (phr)	không sao, không vấn đề	

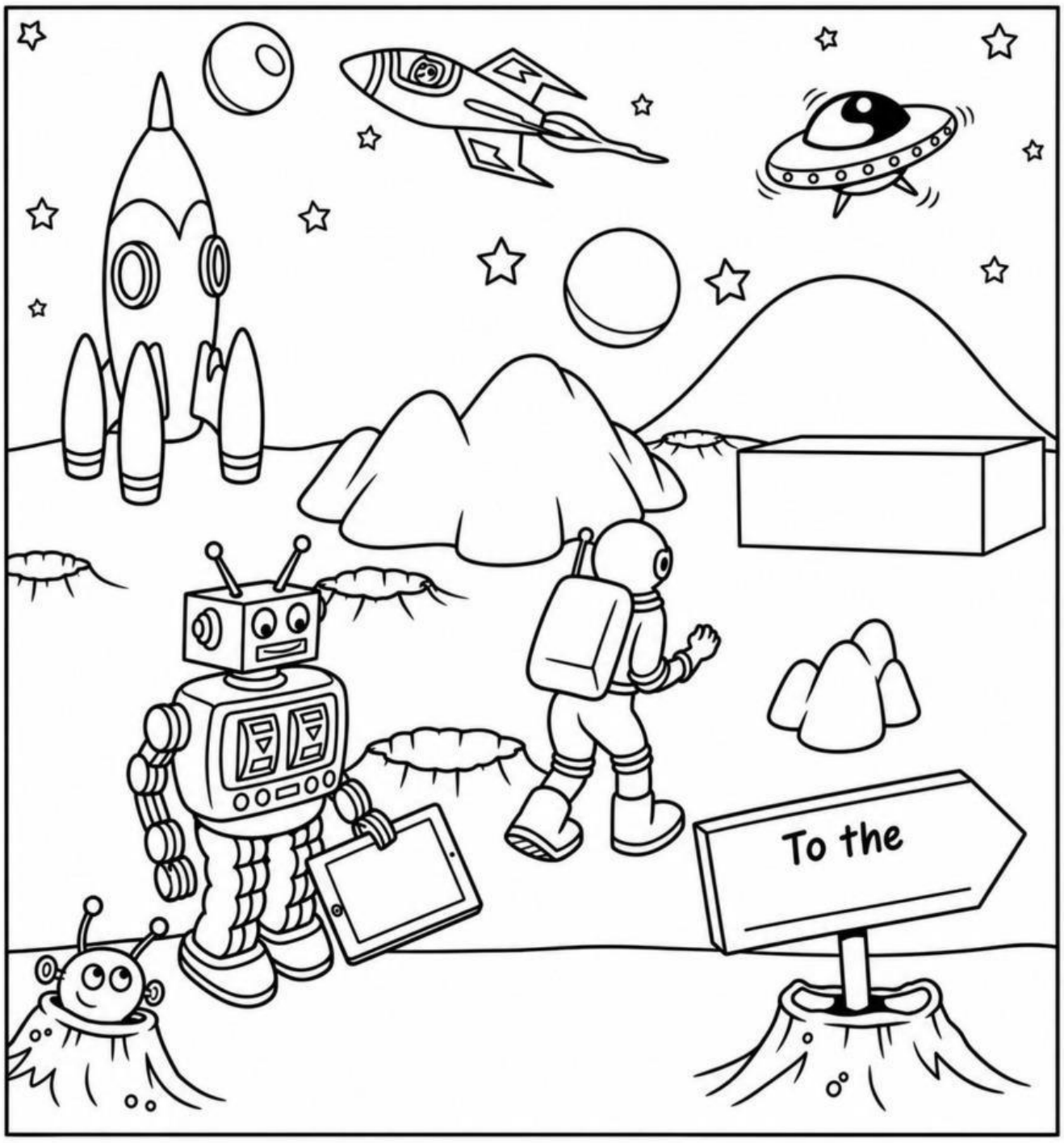
**Note:* *n = noun: danh từ, phr = phrase: cụm từ, v = verb: động từ.*

LIVEWORKSHEETS

II. Listen and colour and write. There is one example.

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:

https://on.soundcloud.com/pzSVs7fqP1UcJafD7B



LIVEWORKSHEETS